

KẾ HOẠCH
PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH BÌNH THUẬN NĂM 2016.
(Đánh giá, cập nhật, bổ sung năm 2016)

I. CĂN CỨ THỰC HIỆN:

- Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Căn cứ Nghị định số 66/2014/NĐ-CP ngày 04 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 172/2007/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020,
- Căn cứ Quyết định số 44/2012/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về công tác cứu nạn, cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Quyết định số 06/2014/QĐ-TTg ngày 20 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế phối hợp tìm kiếm, cứu nạn trên biển và trong vùng nước cảng biển;
- Căn cứ Quyết định số 44/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết về cấp độ rủi ro thiên tai;
- Căn cứ Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Căn cứ Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về Bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên biển.
- Căn cứ Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13 tháng 7 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng”;
- Căn cứ Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 8 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 442a/QĐ- TCTS-KTBNL ngày 04 tháng 9 năm 2014 của tổng cục Thủy sản về việc ban hành hướng dẫn tàu thuyền tránh, trú và neo đậu khi có bão cho khu vực ven biển miền Trung;

- Căn cứ Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 15/3/2007 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc Ban hành kế hoạch Tìm kiếm cứu nạn;

- Căn cứ Quyết định số 3770/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc Quy định cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân trong công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh Bình Thuận;

- Căn cứ Quyết định số 3290/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận về việc thành lập Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Thuận;

Nhằm chủ động trong công tác ứng phó, phòng, chống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn kịp thời, đạt hiệu quả, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai, sự cố, thảm họa gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh Bình Thuận năm 2016, Thường trực Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh Bình Thuận **cập nhật, bổ sung** Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2016 như sau:

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức, nâng cao hiểu biết về phòng, chống thiên tai và tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân trong cộng đồng;

2. Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội ổn định và bền vững của tỉnh. Lấy phòng ngừa là chính, đồng thời không ngừng nghiên cứu tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng và những hiện tượng thời tiết bất thường khác ảnh hưởng đến tình đề phòng tránh, thực hiện theo phương châm: Nhà nước và nhân dân cùng làm.

3. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

4. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương, có hiệu quả để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra;

5. Bằng mọi biện pháp để ưu tiên cứu người, cứu tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức và của nhân dân; Ưu tiên ứng cứu các địa bàn bị ảnh hưởng trực tiếp, thiệt hại nặng do thiên tai gây ra; sơ tán người, tài sản kịp thời;

6. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “**4 tại chỗ**” (Chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; vật tư, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ); đồng thời tổ chức tốt công tác “*Tự quản tại chỗ*” nơi sơ tán dân.

7. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành để ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Huy động lực lượng, kinh phí, vật tư, phương tiện hiện có của địa phương và động viên nhân dân cùng đóng góp tham gia;

8. Nâng cao nhận thức cộng đồng của người dân trong “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” để phát huy ý thức tự giác, chủ động phòng, chống thiên tai, sự cố và tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả của toàn dân trên địa bàn tỉnh;

9. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Với tư tưởng chỉ đạo “**Chủ động phòng ngừa, đối phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và hiệu quả**” để ứng phó, phòng tránh kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản của nhân dân và Nhà nước khi thiên tai, sự cố xảy ra.

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI &TKCN.

A. GIỚI THIỆU CHUNG.

1. Đặc điểm tự nhiên.

Bình Thuận là tỉnh duyên hải cực Nam Trung Bộ, nối liền giữa miền đông Nam Bộ và nam Tây Nguyên, với diện tích tự nhiên khoảng 7.828km²; với 400.000 ha diện tích rừng và đất lâm nghiệp; có 151.300 ha đất canh tác nông nghiệp; toàn tỉnh có 10 đơn vị hành chính, trong đó có đến 7/10 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh tiếp giáp biển. Bình Thuận có vị trí địa lý khá thuận lợi để phát triển các ngành kinh tế, đặc biệt là ngành kinh tế biển và du lịch.

Vùng biển Bình Thuận là một trong ba ngư trường lớn của Việt Nam với diện tích lãnh hải khoảng 52.000 km², đây là nơi hội tụ nhiều yếu tố tự nhiên, đặc biệt là nơi gặp nhau của 2 dòng hải lưu, tạo môi trường cư trú và sinh sản thuận lợi cho các loài hải sản quan trọng. Phần lớn đời sống của người dân và các hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh gắn với nguồn lợi kinh tế biển. Ngoài ra, vùng biển của tỉnh có 02 đảo lớn là đảo Cù Lao Cau và đảo Phú Quý cùng một số đảo nhỏ ven bờ.

Toàn tỉnh có 7.260 chiếc tàu thuyền/958.748 CV (tàu có công suất từ 20CV trở lên là 5.129 chiếc/931.402CV; tàu dưới 20CV là 2.131 chiếc/27.346CV - trong đó có 2.798 chiếc tàu cá đánh bắt xa bờ), với hơn **39.386** lao động, đây cũng là đối tượng chính thường gặp nguy hiểm khi có bão, ATNĐ, lốc xảy ra trên biển.

a. Địa hình: Địa hình của tỉnh Bình Thuận phức tạp, bao gồm cả rừng núi, đồng bằng, ven biển và biển đảo (4 dạng cơ bản: núi thấp, gò đồi, đồng bằng, đồi cát và cồn cát ven biển); có nhiều núi cao vừa là ranh giới hành chính, vừa là đường phân thủy của các sông suối, nhiều dãy núi đâm ngang ra biển chia cắt lãnh thổ thành những khu vực nhỏ, hẹp. Ngoài khơi có một số đảo, trong đó có các đảo của huyện Phú Quý.

* Vị trí địa lý:

+ Từ 10^o34'13" đến 11^o37'30" Vĩ độ Bắc.

+ Từ 107^o23'13" đến 108^o52'30" Kinh độ Đông.

- Phía Đông Bắc và Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận.

- Phía Bắc và Tây Bắc giáp với tỉnh Lâm Đồng.

- Phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai, Tây Nam giáp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Phía Đông và Đông Nam giáp Biển Đông.

b. Khí hậu: Tỉnh Bình Thuận nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa với 2 mùa rõ rệt: Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10; Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau; nhiệt độ trung bình 26 - 27°C; lượng mưa trung bình từ 800 - 1.150 mm (*thấp hơn trung bình cả nước*); độ ẩm tương đối 79%; tổng số giờ nắng 2.459 giờ. Khí hậu thủy văn của Bình Thuận có những nét đặc sắc riêng do có sự tác động của vị trí địa lý, địa hình và ba vùng khí hậu khác nhau (Đông Nam bộ, Nam Tây Nguyên và duyên hải Trung Bộ) làm cho Bình Thuận là một tỉnh không lớn lại có đặc điểm khí hậu thủy văn phức tạp, khắc nghiệt, khác biệt với các tỉnh lân cận và phân hoá mạnh giữa các vùng trong tỉnh.

Nhìn chung, đặc điểm điều kiện khí hậu thuận lợi cho phát triển đa dạng các loại cây trồng nhiệt đới, đặc biệt là các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày và cây thực phẩm có giá trị kinh tế cao. Tuy nhiên, do lượng mưa thấp, phân bố theo mùa và không đồng đều; với địa hình dốc, lượng bốc hơi cao, nên thiếu nước nghiêm trọng

vào mùa khô, nhiều nắng, gió cũng đã ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống của người dân.

c. Sông ngòi và cửa biển: Trên địa bàn tỉnh có 7 lưu vực sông chính gồm: sông Lòng Sông (Tuy Phong); sông Lũy (Bắc Bình); sông Cái (Hàm Thuận Bắc); sông Cà Ty (Tp.Phan Thiết); sông Phan (Hàm Thuận Nam); sông Dinh (Hàm Tân - La Gi) và sông La Ngà (Tánh Linh - Đức Linh). Các cửa sông chính hiện đang được xây dựng làm cảng cá và nơi trú ẩn cho tàu thuyền vào tránh bão như: Cửa Liên Hương (sông Lòng Sông), Phan Rí Cửa (sông Lũy), Phú Hải (sông Cái), Thương Chánh (sông Cà Ty - Cảng Phan Thiết), Ba Đăng (sông Phan), La Gi (sông Dinh) và cửa Hà Lăng (sông Chùa). Đặc biệt ở thượng nguồn lưu vực các sông này, hiện nay đều đã xây dựng các hồ chứa nước với dung tích chứa từ 10 triệu m³ trở lên nhằm phục vụ nhu cầu nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và thủy điện, vừa phát triển kinh tế - xã hội, vừa điều tiết cắt lũ cho khu vực hạ du.

Đặc điểm nổi bật của sông, suối trong tỉnh là ngắn và độ dốc lớn, lòng sông nhỏ, hẹp. Do địa hình của tỉnh bị chia cắt mạnh, các sông chảy trên những vùng có chế độ mưa khác nhau nên chế độ dòng chảy cũng khác nhau. Ngay cả trên cùng một sông, đặc tính thủy văn, thủy lực cũng khác nhau theo từng vùng: miền núi, trung du và đồng bằng ven biển có ảnh hưởng thủy triều, khi có mưa to do ảnh hưởng của thiên tai rất dễ sinh ra lũ, lũ quét vùng núi và ngập lụt cho vùng hạ du.

Lũ sinh ra trên các sông ở Bình Thuận chủ yếu là do mưa rào (cường độ ≥ 50 mm/ngày) bao trùm trên một diện rộng. Mưa sinh lũ thường có liên quan đến sự phát triển của những nhiễu động thời tiết như bão, áp thấp nhiệt đới, dải hội tụ nhiệt đới, rãnh thấp,... Vì vậy, mưa sinh lũ ở đây chủ yếu xuất hiện trong mùa mưa là thời kỳ các hình thế thời tiết nói trên hay xảy ra (từ tháng VI đến tháng XI hàng năm); lũ, ngập lụt thường xảy ra ở vùng phía Tây và Tây Nam tỉnh. Đặc biệt ở các huyện Đức Linh, Tánh Linh thuộc lưu vực sông La Ngà; Bắc Bình lưu vực sông Lũy.

2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế - xã hội và cơ sở hạ tầng.

a. Cơ cấu hành chính - dân số.

Toàn tỉnh hiện có 10 đơn vị hành chính gồm: 01 thành phố, 01 thị xã và 08 huyện (có 01 huyện đảo); trong đó có 07 huyện, thị xã, thành phố với 36 xã, phường, thị trấn giáp biển; với 127 đơn vị hành chính cấp xã (96 xã, 19 phường và 12 thị trấn). Thành phố Phan Thiết là trung tâm Chính trị, kinh tế và văn hoá - xã hội của tỉnh Bình Thuận.

Dân số toàn tỉnh hiện nay (Niên giám thống kê năm 2015) là 289.685 hộ/1.215.176 người, mật độ: 156 người/km²; Có 35 dân tộc cùng sinh sống ở Bình Thuận, trong đó có 34 đồng bào dân tộc thiểu số với 21.276 hộ/96.346 khẩu. Cách bờ biển Tp.Phan Thiết về phía Đông nam khoảng 56 hải lý là huyện đảo Phú Quý (*Cù lao Thu*) với diện tích khoảng 17,81 km², nơi đây hiện có hơn 27.471 người dân tập trung sinh sống rất trù phú, là hậu phương vững chắc cho quần đảo Trường Sa (cách quần đảo Trường Sa 540km về phía Đông) và đang được Ủy ban Quốc gia TKCN xây dựng là một trong những trạm Tìm kiếm, cứu nạn của khu vực.

b) Hiện trạng phát triển kinh tế của tỉnh.

Tổng sản phẩm nội tỉnh (GRDP) trong 5 năm 2011-2015 ước tăng bình quân 9%/năm (chỉ tiêu đề ra là 13-13,5%), trong đó: Nông - lâm - thủy sản tăng 5,15% (chỉ tiêu đề ra là 5,5-6,0%); công nghiệp - xây dựng tăng 8,85% (chỉ tiêu đề ra là 15,5-16%); dịch vụ tăng 10,81% (chỉ tiêu đề ra là 15,0-15,5%). GRDP bình quân đầu người

năm 2015 ước đạt 1.819 USD, gấp 1,82 lần so với năm 2010 (chỉ tiêu đề ra là 2.200 USD). (Theo cách tính mới thì GRDP bình quân đầu người năm 2015 đạt 1.676 USD, gấp 1,66 lần so với năm 2010). Theo cách tính mới, năm 2015 tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ chiếm 42,79%; Công nghiệp – xây dựng chiếm 28,32%; Nông - lâm - thủy sản chiếm 28,89%.

c) Cơ sở hạ tầng.

* Về giao thông:

- **Đường bộ:** Là tỉnh nằm trên trục giao thông trọng yếu Bắc – Nam; hiện nay, Bình Thuận có ba tuyến quốc lộ chạy qua, tất cả đều đã được nâng cấp, mở rộng hoàn toàn: Quốc lộ 1A xuyên Việt (chiều dài đi qua tỉnh là 178 km); Quốc lộ 55 đi Bà Rịa - Vũng Tàu và Quốc lộ 28 từ thành phố Phan Thiết đi huyện Di Linh của tỉnh Lâm Đồng.

+ Tuyến đường ven biển Hòa Thắng – Hòa Phú (chiều dài 23 km) đã đưa vào sử dụng trong dịp tết Bính Thân 2016, ngoài mục tiêu phục vụ kinh tế xã hội, thúc đẩy du lịch biển còn là điều kiện thuận lợi để củng cố, giữ vững an ninh quốc phòng, di dời, sơ tán dân tại huyện Bắc Bình và Tuy Phong.

+ Các tuyến đường đến các trung tâm huyện, xã, vùng núi và các vùng kinh tế quan trọng khác cũng đang được chính quyền địa phương huy động các nguồn vốn để đầu tư nâng cấp, mở rộng và kéo dài thêm đảm bảo cho sản xuất, lưu thông hàng hóa và đi lại của nhân dân. Tỉnh còn mở nhiều tuyến xe buýt đi các nơi, rất thuận tiện cho việc giao thông đi lại của người dân trong tỉnh.

- **Đường sắt Bắc - Nam:** Tuyến đường sắt qua tỉnh với chiều dài 190 km và qua 11 ga; trong đó ga chính quan trọng nhất của tỉnh là ga Bình Thuận (ga Mương Mán cũ). Ga mới Phan Thiết được xây dựng trên đường Lê Duẩn, xã Phong Nẫm nhằm phục vụ du lịch, vận chuyển hàng hóa giữa Bình Thuận và thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đường biển:** Là một tỉnh duyên hải có vùng biển rộng, với bờ biển dài 192 km, có hải đảo và nằm cạnh đường hàng hải quốc tế. Hiện tại, cảng biển Phú Quý đã xây dựng xong, tiếp nhận tàu 1.000 tấn ra vào. Cảng Phan Thiết cũng được xây dựng tiếp nhận tàu 1.000 tấn. Cảng tổng hợp Vĩnh Tân đang được xây dựng tại xã Vĩnh Tân, huyện Tuy Phong để đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Thuận.

- **Đường hàng không:** Để phục vụ nhu cầu đi lại, nhất là đối với khách du lịch, tỉnh Bình Thuận đã và đang đầu tư xây dựng sân bay Phan Thiết tại xã Thiện Nghiệp, thành phố Phan Thiết, dự kiến đưa vào hoạt động từ năm 2018.

Ngoài ra, hiện nay các Dự án đường sắt cao tốc Bắc - Nam, đường bộ cao tốc Bắc - Nam đều đi qua tỉnh Bình Thuận, đây cũng là thế mạnh của tỉnh Bình Thuận.

* Về Công nghiệp – Xây dựng:

- **Điện năng:** Có 7 nguồn điện chính cung cấp cho tỉnh gồm:

- + Từ nhà máy thủy điện Đa Nhim qua lưới truyền tải 110 kV.
- + Từ NM Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi qua lưới truyền tải 110 kV và 220 kV.
- + Nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân qua lưới truyền tải 220 kV.
- + Từ nhà máy điện gió Phong điện 1, nhà máy Thủy điện Đại Ninh, Nhà máy Thủy điện Bắc Bình qua lưới truyền tải 110 kV.
- + Từ Trạm biến áp 220kV Bà Rịa qua lưới truyền tải 110 kV.

- + Trạm phát điện diesel 3800 KW.
- + Nhà máy nhiệt điện diesel 5MW, Nhà máy điện gió Phú Quý 6MW.
- Có 3 trạm biến áp 220kV (Phan Thiết, Hàm Thuận, Đa Nhim) với tổng công suất 626 MVA; 09 trạm biến áp 110kV với tổng công suất 777MVA.

- **Cung cấp nước:** Nhà máy nước Phan Thiết có công suất 25.000 m³/ngày đêm, hiện đang nâng cấp, mở rộng hệ thống đường ống bằng nguồn vốn ADB, đảm bảo đáp ứng đủ các nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Tại các huyện đều có trạm cấp nước quy mô nhỏ 500 - 2000 m³/ngày đêm. Ngoài ra, còn có hệ thống cấp nước sinh hoạt cho người dân do Trung tâm Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn Bình Thuận cung cấp.

*** Về Thủy lợi:**

- Hiện nay tỉnh Bình Thuận có 78 hệ thống công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác sử dụng, tổng năng lực tưới thiết kế 70.360 ha, bao gồm các loại hình công trình: 21 hệ thống hồ chứa nước, 35 hệ thống đập dâng, 18 hệ thống trạm bơm, 04 hệ thống kênh nối mạng. Trong những năm qua, các hồ chứa nước đã và đang từng bước triển khai xây dựng nhằm cắt giảm lũ, điều tiết nước tưới, nước sinh hoạt cho các địa phương như: Hồ Sông Quao, Cà Giây, Lòng Sông, Sông Móng, Sông Khán, Suối Đá, Ba Bàu, Đu Đủ, Sông Dinh 3, Biển Lạc, Phan Dũng, ...

- Các hồ thủy điện cũng tham gia điều tiết, tích nước phục vụ phòng, chống thiên tai, sinh hoạt và sản xuất cho tỉnh như: Hồ Hàm Thuận, Đa Mi, Đại Ninh, Bắc Bình, Đan Sách 2&3.

*** Về thông tin và truyền thông:**

- Mạng lưới phục vụ bưu chính, viễn thông phát triển với 47 bưu cục cấp I, II, III; 56 bưu điện VHX; 15 đại lý bưu điện, với hơn 210 lao động tổ chức sản xuất, khai thác dịch vụ bưu chính.

- Mạng viễn thông công cộng có 112 điểm chuyển mạch của các doanh nghiệp viễn thông, tổng dung lượng 96.380 line; trạm thu phát sóng thông tin di động BTS hầu hết các xã, phường, thị trấn đều có với số lượng là 1.320 trạm; hệ thống truyền dẫn có 350 tuyến truyền dẫn viba nội tỉnh, liên tỉnh và một số tuyến sử dụng vệ tinh Vinasat.

Nhìn chung, hệ thống thông tin liên lạc, truyền thanh đã được nâng cấp, mở rộng và hiện đại hóa; hệ thống truyền thanh được phủ sóng đến tất cả các xã, phường, thị trấn; thông tin liên lạc, thông báo được thông suốt trong mọi tình huống. Mạng điện thoại phủ sóng hầu hết các khu dân cư, khu du lịch, khu công nghiệp, khu sản xuất trên địa bàn tỉnh. Bảo đảm khi phát cảnh báo mọi người dân đều nhận được thông tin.

*** Về Y tế:** Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và hoàn thiện, toàn tỉnh có 117/127 xã (có 10 trạm y tế xã sát nhập vào Phòng khám cùng địa bàn) có trạm y tế tuyến xã có bác sỹ công tác, bình quân hiện có 6,2 bác sỹ/vạn dân.

B. TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH.

1. Xác định hiểm họa, rủi ro thiên tai và cấp độ rủi ro thiên tai thường xảy ra trong tỉnh.

Sự biến đổi khí hậu toàn cầu hiện nay đã diễn ra nhanh hơn so với dự báo, đang tác động bất lợi đến các hiện tượng thời tiết cực đoan, là một trong những thách thức lớn của nhân loại hiện nay. Việt Nam là một trong 5 quốc gia chịu tác động nặng nề nhất của biến đổi khí hậu, đặc biệt là nước biển dâng; các hiện tượng thời tiết cực đoan

như: hạn hán, bão, lũ, lốc xoáy,... xảy ra ngày càng phức tạp, với cường độ mạnh và xảy ra dồn dập, ảnh hưởng trên phạm vi rộng, gây hậu quả lớn mà phải mất nhiều năm chúng ta mới có thể khắc phục được.

Những năm gần đây thiên tai xảy ra tại Bình Thuận ngày một gia tăng, bất thường, mức độ tàn phá của thiên tai ngày càng ác liệt và không theo quy luật. Tình hình **bão, lũ, hạn hán, sạt lở bờ biển, lốc xoáy, sét, nước biển dâng**,... xảy ra trên địa bàn tỉnh ngày càng phức tạp, khó lường gây nhiều thiệt hại về tính mạng, tài sản; sản xuất nông nghiệp, đời sống kinh tế - xã hội, an ninh và quốc phòng.

1.1. Các rủi ro thiên tai chính và cấp độ rủi ro thiên tai thường xảy ra:

Trên địa bàn tỉnh Bình Thuận có 5 loại hình thiên tai chính thường xảy ra, gây ảnh hưởng trực tiếp như: Bão, áp thấp nhiệt đới; lũ, lũ quét, ngập lụt; hạn hán; lốc xoáy và sạt lở bờ biển; các loại hình thiên tai này hàng năm đã làm chết người, gây thiệt hại nặng về dân sinh - kinh tế, về tài sản, sản xuất nông nghiệp, mất đất sản xuất, đất khu dân cư và hư hỏng công trình cơ sở hạ tầng trong tỉnh. Ngoài ra, còn có các dạng thiên tai khác cũng xảy ra gây thiệt hại tương đối lớn như: Đông, gió mạnh trên biển, sét, mưa đá, triều cường, nước biển dâng và động đất xảy ra ở cấp độ thấp (khoảng từ 4,7 - 5,5 độ Richtre),...

a) Bão hoặc Áp thấp nhiệt đới đổ bộ trực tiếp:

Với chiều dài hơn 192 km bờ biển, hàng năm tỉnh Bình Thuận thường chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão hoặc ATNĐ đổ bộ vào khu vực ven biển của tỉnh, uy hiếp trực tiếp các khu dân cư, phá hủy các công trình kiến trúc, cơ sở hạ tầng kinh tế, nhà cửa, kho tàng; đặc biệt do tác động của biến đổi khí hậu hiện nay làm cho các cơn bão xuất hiện với cường độ ngày càng mạnh (bão mạnh và siêu bão). Đặc biệt, khi có siêu bão (bão mạnh trên cấp 12 trở lên) đổ bộ trực tiếp kết hợp triều cường sẽ gây mực nước dâng trong bão có thể lên đến 3,4 - 3,8 mét.

**** Một số cơn bão gần đây ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Bình Thuận như:***

- Cơn bão số 9 (Durian): Ngày 04/12/2006, bão số 9 đổ bộ trực tiếp vào khu vực ven biển tỉnh Bình Thuận, với gió mạnh cấp 9, giật cấp 13; làm chết 02 người và bị thương 24 người; sập và tốc mái 7.159 căn nhà, 140 phòng học; tàu thuyền chìm, hư hỏng 628 chiếc, tổng thiệt hại lên đến 241,3 tỷ đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 3.***

- ATNĐ: Ngày 18/01/2010 ảnh hưởng trực tiếp đến Bình Thuận, với sức gió mạnh cấp 6, cấp 7, đã làm chết 03 người; sập và tốc mái 37 căn nhà; tàu thuyền chìm, hư hỏng 86 chiếc, tổng thiệt hại lên đến 32,55 tỷ đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 3.***

- Cơn bão số 1 (Parkha): Ngày 29/3/2012, bão số 1 đổ bộ trực tiếp vào khu vực tỉnh Bình Thuận với gió mạnh cấp 8, cấp 9, làm 05 người bị thương; sập và tốc mái 1.318 căn nhà; tàu thuyền chìm, hư hỏng 09 chiếc, tổng thiệt hại lên đến 18,55 tỷ đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 3.***

* Đặc biệt, khi có bão mạnh, siêu bão đổ bộ (***Rủi ro thiên tai cấp độ 4, 5***) thì phải di dời sơ tán dân cư dọc khu vực ven biển (*Sâu vào trong đất liền bán kính ít nhất 500m*) với **35 điểm/35.839** nhân khẩu phải sơ tán, cụ thể:

- + Huyện Tuy Phong : 09 xã, thị trấn/8.593 người.
- + Huyện Bắc Bình : 01 xã/1.084 người.
- + Thành phố Phan Thiết : 10 xã, phường/8.554 người.

- + Huyện Hàm Thuận Nam : 03 xã/1.617 người.
- + Huyện Hàm Tân : 03 xã/8.300 người.
- + Thị xã La Gi : 06 xã, phường/7.316 người.
- + Huyện Phú Quý : 03 xã/375 người.

b) Mưa lớn gây lũ, ngập lụt:

Ảnh hưởng của bão, ATNĐ hay các hình thể thời tiết gây mưa lớn trên diện rộng hoặc cục bộ; sẽ xuất hiện lũ, lũ quét, ngập lụt trên các sông Cà Ty, sông Phan, sông Dinh, sông Luỹ, sông Mao; ngập lụt dài ngày trên lưu vực sông La Ngà (huyện Đức Linh và Tánh Linh), ảnh hưởng các khu dân cư; làm sập đổ, trôi nhà cửa; ngập úng diện tích sản xuất nông nghiệp, ách tắc giao thông,...

Những vùng ven sông, suối nhỏ thường hay bị lũ quét đe dọa tới tính mạng, tài sản, sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân; đây cũng là nơi canh tác nông nghiệp lâu năm và thường xuyên, vì vậy cần nâng cao cảnh giác với lũ quét, tăng cường thông tin về mưa, lũ cho nhân dân trong mùa mưa, bão, lũ hàng năm.

** Một số trận lũ trong các năm qua xảy ra gây thiệt hại như sau:*

- Năm 2010, lũ làm chết 4 người, hư hỏng 2.771 căn nhà, thiệt hại 14.975 ha sản xuất nông nghiệp, giá trị thiệt hại hơn 9,2 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2012, lũ làm chết 1 người, hư hỏng 183 căn nhà, thiệt hại 47.554 ha sản xuất nông nghiệp, giá trị thiệt hại hơn 48,85 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2013, trong các tháng 9, 10 và 11, do ảnh hưởng của ATNĐ và các cơn bão số 10, 11, 13 và 15 đã gây mưa to đến rất to ở nhiều nơi trong tỉnh; mưa gây lũ, ngập lụt cục bộ tại các địa phương như Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, Tánh Linh và Đức Linh; làm chết 01 người; sập đổ 12 căn nhà; thiệt hại 13.112 ha sản xuất nông nghiệp và nhiều công trình cơ sở hạ tầng ở các địa phương. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2014, đợt mưa lũ tháng 7, tháng 8, cuối tháng 9 và đầu tháng 10 xảy ra gây ngập lụt tại các địa phương như: Bắc Bình, Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Thuận Bắc; làm ngập gần 10.000 ha diện tích sản xuất nông nghiệp; 7 ha nuôi trồng thủy sản bị ngập, trôi; giá trị thiệt hại hơn 46 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2015, đợt mưa lũ tháng 7, tháng 8, tháng 9 và tháng 10 xảy ra gây ngập lụt tại các địa phương như: Bắc Bình, Tánh Linh, Đức Linh, Hàm Thuận Bắc; làm ngập gần 3.128,2 ha diện tích sản xuất nông nghiệp; 37,96 ha nuôi cá bị ngập; giá trị thiệt hại hơn 6,2 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 1.**

c) Lũ quét:

Do các sông, suối trong tỉnh đa số nhỏ, ngắn và có độ dốc lớn nên khi có lũ và nhất là lũ quét xảy ra thường rất ác liệt, luôn đe dọa tính mạng và tài sản của người dân trong tỉnh. Lũ quét làm chết người và thiệt hại nặng về tài sản, hoa màu của Nhà nước và nhân dân. Thời gian lũ lên của một trận lũ quét theo những kết quả tính toán sơ bộ ở Bình Thuận thường từ 5 - 6 giờ với cường suất lũ lên lớn nhất có thể đạt từ 100 - 200 cm/h, biên độ lũ lên của một trận lũ quét có thể đạt từ 350 - 650 cm.

Lũ quét xảy ra với mức độ ngày càng nhiều về số lượng và tính ác liệt từ những năm 1990 trở lại đây, lũ quét xảy ra hầu như trên toàn bộ các lưu vực sông, suối vừa và nhỏ trong tỉnh, trên cả những suối nhập lưu thuộc lưu vực sông La Ngà.

** Một số trận lũ quét đã xảy ra gây thiệt hại như:*

- Trận lũ quét lịch sử xảy ra vào cuối tháng 7/1999 với tổng lượng mưa trên lưu vực sông Dinh đạt trên 200mm, gây lũ với cường suất lớn, với đỉnh lũ điều tra sau trận lũ đạt cao hơn báo động cấp III: 405cm. Số người chết và mất tích trong trận lũ lên đến 27 người, tổng giá trị thiệt hại trên 198 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 3.**

- Trận lũ quét vào lúc 19 giờ 30' ngày 5/10/2009 do mưa lớn ở thượng nguồn trên lưu vực sông Lũy huyện Bắc Bình, đã làm chết 03 người, gây ngập lụt nặng trên địa bàn các xã Phan Sơn, Sông Bình, Sông Lũy, Phan Tiến và Phan Lâm. Mực nước đo tại trạm Sông Lũy lúc 5 giờ sáng ngày 6/10 là 28,72 m, (vượt báo động cấp III là: 0,72 m). Tại thôn 3 xã Phan Sơn, nước ngập vào nhà nơi sâu nhất là 2,5 m và làm ách tắc giao thông trên Quốc lộ 1A hơn 6 giờ. Sập, hư hỏng 127 căn nhà, thiệt hại 1.204 ha sản xuất nông nghiệp, giá trị thiệt hại hơn 12 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Từ ngày 07 ÷ 11/9 và ngày 18 ÷ 19/9/2010, khu vực Bình Thuận có mưa vừa đến mưa to cục bộ, nhất là các huyện phía Nam tỉnh, lượng mưa tương đối nhiều và đều khắp. Tại Đức Linh, mưa gây lũ quét cục bộ trên địa bàn các xã miền núi như Đa Kai, Sùng Nhơn, Mê Pu, Nam Chính, Đức Chính, đã làm ngập nhà cửa, diện tích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của các hộ dân. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Ngày 8 - 12/6/2013, tại Bắc Bình xảy ra lũ quét cục bộ làm ngập úng, thiệt hại một số diện tích lúa và hoa màu của các xã, gồm: Phan Điền, Phan Hòa, Hoà Thắng, Hồng Phong và thị trấn Phan Rí Thành và ngày 10 - 11/8/2013, lũ quét cục bộ gây thiệt hại về sản xuất nông nghiệp và một số công trình cơ sở hạ tầng của 03 xã: Phan Tiến, Phan Sơn và Sông Lũy. Huyện Tánh Linh, xảy ra lũ quét tại xã La Ngâu trong ngày 25/8/2013 và tại xã Đông Hà, huyện Đức Linh ngày 14/9/2013. Lũ quét làm ngập lụt một số nhà dân, giếng nước sinh hoạt, làm thiệt hại về tài sản, hoa màu và vật nuôi của nhân dân trên địa bàn các huyện. **Rủi ro thiên tai cấp độ 1.**

- Ngày 01/6/2014 xảy ra lũ quét cục bộ tại thôn Kà Lúc, xã Phan Sơn, huyện Bắc Bình làm chết 01 người (*học sinh lớp 7*) đang tắm sông, do bơi vào bờ không kịp. **Rủi ro thiên tai cấp độ 1.**

d) Hạn hán - Khô hạn:

Hầu như năm nào ở Bình Thuận cũng đều xảy ra hạn hán gây thiệt hại; hạn hán có tác động lớn về mặt kinh tế, đời sống dân sinh và có ảnh hưởng nhất định trên từng vùng địa lý, khu vực ảnh hưởng. Hạn hán có thể kéo dài trong vài tháng và trong những trường hợp đặc biệt thời gian có thể kéo dài tới vài năm, gây tác động trực tiếp đến đời sống, toàn bộ nền kinh tế và sản xuất nông nghiệp. Hạn hán là thiên tai đứng hàng thứ 3 sau lũ lụt và bão về mức độ thiệt hại và suy giảm môi trường thiên nhiên.

Ở Bình Thuận, khô hạn tập trung ở hai loại: Hạn mùa khô và hạn giữa mùa mưa; trong đó, hạn mùa khô hiện nay ngày càng diễn ra gay gắt, khu vực thường xuyên xảy ra khô hạn tập trung chủ yếu ở các huyện Tuy Phong, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân và thành phố Phan Thiết. Những năm xảy ra hạn hán nặng như:

- Năm 2004, hạn hán làm 43.716 ha sản xuất nông nghiệp bị khô hạn và 400 ha rừng mới trồng bị chết. Tổng giá trị thiệt hại do hạn hán gây ra năm 2004 lên đến trên 130 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 3.**

- Năm 2010, nắng hạn kéo dài ở vụ Hè thu đã làm ảnh hưởng nặng nề về sản xuất nông nghiệp, với tổng diện tích bị hạn lên đến 14.276 ha (*trong đó diện tích lúa là 5.005 ha*) cho các địa phương như Đức Linh, Tánh Linh, Bắc Bình, Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam, Phú Quý,... **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2013, tình trạng khô hạn ở một số địa phương trong tỉnh như: Hàm Thuận Bắc, Bắc Bình, Đức Linh và Tánh Linh, Hàm Thuận Nam,... đã làm 2.091,46 ha lúa và hoa màu bị chết, giá trị thiệt hại hơn 10,45 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2014, Các đợt nắng hạn cục bộ xảy ra trong tháng 4 đến cuối tháng 5, và đầu tháng 7 đến tháng 8, đã gây tình trạng khô hạn, thiếu nước tưới trong sản xuất nông nghiệp vụ Hè thu, vụ Mùa, làm thiệt hại hơn 8.112,18 ha sản xuất nông nghiệp (*lúa và hoa màu*) của người dân ở các huyện Bắc Bình, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam và huyện Hàm Thuận Bắc, giá trị thiệt hại hơn 40,56 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 3.**

- Năm 2015, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino kéo dài đã gây tình trạng khô hạn, thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt diễn ra nhiều nơi trong tỉnh. Diện tích thiếu nước không sản xuất được gần 1.000 ha lúa vụ Đông Xuân 2014 - 2015; hơn 119.350 nhân khẩu thiếu nước sinh hoạt. Đợt nắng hạn xảy ra từ tháng 1 - 5/2015 trên địa bàn các huyện Hàm Tân và Hàm Thuận Bắc thiệt hại hơn 1 tỷ đồng; đợt nắng hạn xảy ra trong tháng 7 và tháng 8/2015 trên địa bàn Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam và Bắc Bình thiệt hại hơn 20 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 3.**

- Năm 2016, từ tháng 11/2015 đến cuối tháng 5/2016, do ảnh hưởng hiện tượng El - Nino mạnh, mùa mưa đến trễ và kết thúc sớm (mùa mưa năm 2015 chỉ khoảng 4 tháng 10 ngày), ngắn hơn TBNN khoảng 1 tháng 20 ngày, tổng lượng mưa đạt dưới trung bình nhiều năm, các hồ chứa nước trên địa bàn tỉnh chỉ tích trữ được lượng nước từ 40 – 60% so với thiết kế, mực nước ngầm thiếu hụt trầm trọng, không đủ lượng nước cung cấp cho sinh hoạt và sản xuất. Ngay từ đầu tháng 2/2016, trên địa bàn các huyện Hàm Tân, Hàm Thuận Bắc, Đức Linh, Tánh Linh, Bắc Bình, Tuy Phong, thị xã La Gi, thành phố Phan Thiết,... đã xảy ra nắng nóng, hạn hán thiếu nước kéo dài không có nước cho người dân sinh hoạt và gây thiệt hại nặng một số diện tích cây trồng của nhân dân. Về nước sinh hoạt toàn tỉnh có khoảng 120.241 khẩu/25.690 hộ thiếu nước sinh hoạt; về sản xuất nông nghiệp chỉ bố trí sản xuất cho cây lúa vụ Đông Xuân 2015 - 2016 là: 18.748 ha, cắt giảm 15.423 ha lúa so diện tích gieo trồng 2014 - 2015 do không đủ nguồn nước tưới; tổng diện tích bị thiệt hại do hạn hán gây ra trên địa bàn toàn tỉnh là: 12.102 ha, trong đó 2.542,7 ha cây trồng bị thiệt hại nặng và có khoảng 9.559,3 ha thanh long đang bị khô héo do thiếu nước tưới. Thiệt hại hơn 380 tỷ đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 4.**

đ) Sạt lở bờ biển, sạt lở cát các khu dân cư:

Trong những năm gần đây, tình trạng sạt lở bờ biển đã xảy ra ở nhiều nơi và đang có chiều hướng ngày một gia tăng. Hiện tượng cát tràn (sạt lở) thường xảy ra tại thôn Tiến Phú, Tiến Đức xã Tiến Thành (Tp.Phan Thiết) và sạt lở bờ biển từ huyện Tuy Phong vào tới huyện Hàm Tân hiện nay đang và sẽ tạo ra những lực cản rất lớn kìm hãm tiến trình phát triển kinh tế - xã hội. Nguyên nhân chủ yếu do quá trình thủy động lực, triều cường, sóng gió ven bờ gây ra. Sạt lở bờ biển đã gây ra những thiệt hại lớn về nhà cửa; mất đất khu dân cư, đất sản xuất; sập đổ các công trình cơ sở hạ tầng trong khu vực.

Các điểm sạt lở bờ biển nhiều thuộc xã Vĩnh Tân, Phước Thê, Bình Thạnh, Liên Hương, Phan Rí Cửa (Tuy Phong); Hàm Tiến, Mũi Né, Đồi Dương, Phú Hải, Đức

Long, Tiến Thành (Tp.Phan Thiết); Tân Thành, Tân Thuận (Hàm Thuận Nam); Tân Tiến, Phước Lộc, Tân Phước (thị xã La Gi) và Ngũ Phụng, Long Hải, Tam Thanh (Phú Quý).

** Tình hình sạt lở bờ biển một số năm điển hình như:*

- Năm 2008, sạt lở xảy ra ở Phước Lộc, thị xã La Gi, với chiều dài hơn 3.000 m, sập 52 căn nhà, hơn 45 hộ dân phải di dời; thiệt hại hơn 1.230 triệu đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2010, sạt lở xảy ra ở Đức Long, thành phố Phan Thiết, với chiều dài hơn 1.500 m, sập 55 căn nhà, hơn 30 hộ dân phải di dời; thiệt hại hơn 1.539 triệu đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2011, sạt lở xảy ra ở Đức Long, thành phố Phan Thiết, và thị xã La Gi với chiều dài hơn 6.000 m, sập 101 căn nhà, hơn 300 hộ dân phải di dời; thiệt hại hơn 2.900 triệu đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2013, sạt lở ăn sâu vào đất liền gần 250m, tại thôn Hồ Tôm xã Tân Phước - Tx.La Gi, làm gãy hàng trăm cây phi lao, sập đổ 18 căn nhà và đe dọa trực tiếp tới tính mạng, tài sản của 30 hộ dân tại đây với chiều dài trên 400m. Tại Đức Long và xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết sập đổ 08 căn nhà; thiệt hại hơn 1.000 triệu đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 1.**

- Năm 2014, sạt lở nghiêm trọng bờ biển thuộc địa bàn thôn Hồ Tôm xã Tân Phước - Tx.La Gi và phường Đức Long, xã Tiến Thành - Tp.Phan Thiết, với chiều dài trên 1.000m, làm sập đổ 19 căn nhà, uy hiếp trực tiếp 100 hộ dân ở các khu dân cư dọc ven biển; thiệt hại hơn 1.000 triệu đồng. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2015, sạt lở bờ biển tại thôn Tiến Đức, xã Tiến Thành, thành phố Phan Thiết với chiều dài khoảng 1.000 m. Tại thôn Hồ Lân, xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân sạt lở bờ biển với chiều dài khoảng 800 m, sâu vào đất liền khoảng 30 m. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

- Năm 2016, từ ngày 24 - 28/01/2016, do ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc mạnh, kết hợp với triều cường dâng cao, đã gây tình trạng sạt lở bờ biển tại huyện Tuy Phong, thành phố Phan Thiết và thị xã La Gi. **Rủi ro thiên tai cấp độ 2.**

Cụ thể xảy ra sạt lở tại các địa phương như sau:

+ **Huyện Tuy Phong:** Sạt lở tại khu phố 14, thị trấn Liên Hương với chiều dài bờ biển bị sạt lở hơn 300 m; sâu vào đất liền 10 m; làm sập và hư hỏng 29 căn nhà của nhân dân; đồng thời uy hiếp trực tiếp nhiều hộ dân khác đang sinh sống trong khu phố.

+ **Tp. Phan Thiết:** Tại Khu phố 5, phường Đức Long và thôn Tiến Đức, xã Tiến Thành, bờ biển bị sạt dài hơn 1.000m, làm sập đổ 39 căn nhà, uy hiếp trực tiếp nhiều hộ dân dọc ven biển.

+ **Thị xã La Gi:** Sạt lở xảy ra tại xã Tân Phước, xã Tân Tiến, với chiều dài bị sạt lở hơn 200m;

e) Lốc xoáy cục bộ kèm sét đánh:

Hiện tượng lốc xoáy xảy ra trong những năm gần đây trên địa bàn các địa phương như: Đức Linh, Tánh Linh, Hàm Tân, Hàm Thuận Nam, thị xã La Gi,... ngày

một nhiều, mức độ tăng nặng, đôi khi còn kèm theo sét và mưa đá làm chết người, gây thiệt hại nặng về sản xuất nông nghiệp, hư hỏng, tốc mái nhà cửa, công trình công cộng, hệ thống thông tin, năng lượng,...

Lốc xoáy xuất hiện cục bộ, nhanh và rất khó dự báo, hướng di chuyển phức tạp (*theo luồng*); thời điểm xuất hiện thường vào giao thời giữa hai mùa nắng và mùa mưa (*đầu mùa mưa từ tháng 4 – 6 hàng năm*) là chủ yếu. Tuy nhiên hiện nay, do thời tiết nắng hạn nhiều, khi gặp các hình thế gây mưa dễ sinh ra nhiều động không khí hay nhiều động nhiệt, dễ tạo thành lốc xoáy cục bộ, gây ảnh hưởng nặng đến sản xuất nông nghiệp, nhà cửa và các công trình thiếu chắc chắn, dân cư thiếu hiểu biết. Một số trận lốc xoáy xảy ra như:

- Năm 2010, xảy ra lốc xoáy, sét đánh cục bộ ở xã Tân Phúc, Tân Đức, huyện Hàm Tân; xã Gia An, huyện Tánh Linh; làm hư hỏng, tốc mái 134 căn nhà, chết 01 người, bị thương 01 người, hư hỏng 250 ha lúa; thiệt hại hơn 6.000 triệu đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 1.***

- Năm 2011, xảy ra lốc xoáy cục bộ ở Bắc Bình, La Gi, Đức Linh, Tánh Linh và Phú Quý, làm tốc mái 25 căn nhà, bị thương 04 người, gãy đổ nhiều diện tích cây cao su và hoa màu (2.000 ha). Thiệt hại hơn 16.000 triệu đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 2.***

- Năm 2012, xảy ra lốc xoáy cục bộ ở Sùng Nhơn, Mê Pu, huyện Đức Linh; Gia An, huyện Tánh Linh, làm sập đổ, tốc mái 22 căn nhà, gãy đổ 17 trụ điện, ướt 250.000 viên gạch mộc, hơn 150 ha lúa, hoa màu bị hư hỏng; thiệt hại hơn 1.500 triệu đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 1.***

- Năm 2013, xảy ra lốc xoáy ở Sùng Nhơn, ĐaKai, Võ Xu, huyện Đức Linh; làm sập đổ, tốc mái 109 căn nhà, hơn 10 ha cao su và sầu riêng bị hư hỏng; thiệt hại hơn 2.500 triệu đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 1.***

- Năm 2014, xảy ra lốc xoáy, kèm theo mưa đá ở Gia An, Tánh Linh (05 đợt); ở Đức Linh xảy ra lốc xoáy và sét đánh (02 đợt); Hàm Tân và Hàm Thuận Bắc (01 đợt); làm hư hỏng tốc mái 94 căn nhà, gãy đổ hư hỏng 122 ha cao su, chết 01 người, bị thương 01 người, thiệt hại gần 10.000 triệu đồng. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 2.***

- Năm 2015, xảy ra lốc xoáy ở Đức Linh (02 đợt), Tánh Linh (04 đợt), Hàm Tân (01 đợt), Hàm Thuận Nam (03 đợt), Phú Quý (01 đợt); xảy ra mưa to kèm theo lốc xoáy cục bộ ở Thị xã La Gi (01 đợt); xảy ra sét đánh trên đất liền ở Tánh Linh (01 đợt) và trên biển Phú Quý (01 đợt), làm hư hỏng tốc mái 291 căn nhà, 02 phòng học trường mẫu giáo, 02 điểm trường học và nhiều công trình phụ, hư hỏng 10 bộ máy vi tính, 06 máy in, 01 người bị thương, 01 bị chết do sét đánh, đổ ngã nhiều cây cao su trên 8 tuổi. ***Rủi ro thiên tai cấp độ 2.***

- Năm 2016, trong các tháng 4, 5, 6, 7 đã xảy ra 12 đợt gió lốc xoáy trên địa bàn các huyện: Tánh Linh (04 đợt); Đức Linh (04 đợt); Hàm Thuận Nam (02 đợt); Hàm Tân (01 đợt); Thành phố Phan Thiết (01 đợt); Bắc Bình (01 đợt). Các đợt gió lốc xoáy xảy ra làm sập đổ, tốc mái 61 căn nhà, 01 người bị thương, 17 cơ sở giáo dục, y tế và công trình phụ bị hư hỏng, rụng 200 tấn sầu riêng trái non.

1.2. Các sự cố, thảm họa khác có thể xảy ra: Sự cố tràn dầu; sự cố bức xạ hạt nhân; động đất; sóng thần; tàu thuyền bị va đập, hư hỏng hay bị đâm và chìm trên

biển,... Ngoài ra có thể xảy ra các thảm họa khác như: Sự cố vỡ hồ chứa nước, sập đổ nhà cao tầng (*do động đất*), rò rỉ hoá chất độc hại, dịch bệnh qui mô rộng,...

2. Khu vực ảnh hưởng, mức độ tác động các loại thiên tai trên địa bàn tỉnh.

2.1) Khu vực ảnh hưởng.

Hiện nay chưa có những tiêu chuẩn cụ thể để phân vùng thiên tai cho một khu vực nhỏ; song dựa vào những quy luật cơ bản, nguyên nhân phát sinh của thiên tai, đặc điểm khí hậu thủy văn của khu vực, có thể phân Bình Thuận thành 3 vùng thiên tai đan xen nhau. Cụ thể:

a) Vùng I: Vùng ven biển và vùng biển tỉnh Bình Thuận.

Ranh giới chạy dọc tỉnh, gần trùng với quốc lộ IA ra phía Đông và Đông Nam Biển Đông đến đảo Phú Quý. Đây là vùng có tiềm năng kinh tế lớn (đánh bắt hải sản, khai thác dầu khí, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối và phát triển nông nghiệp). Thiên tai chủ yếu ở vùng này là bão, ATNĐ, sạt lở bờ biển, lũ, lũ quét, ngập lụt ở vùng hạ lưu sông Dinh (thị xã La Gi); sông Phan (Hàm Thuận Nam và xã Tân Tiến, Tân Hải - thị xã La Gi); sông Cà Ty (thành phố Phan Thiết); sông Lũy (Bắc Bình) và sông Lòng Sông (Tuy Phong). Ngoài ra khu vực này còn có tiềm ẩn nguy cơ bị sóng thần.

b) Vùng II: Vùng núi các huyện phía Nam tỉnh.

Bao gồm toàn bộ các huyện Đức Linh, Tân Lạc, vùng núi huyện Hàm Thuận Nam và Hàm Thuận Bắc. Thiên tai chủ yếu là mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt ở lưu vực hệ thống sông La Ngà, sông Cái; lốc xoáy, sét cục bộ và có thể có mưa đá.

c) Vùng III: Vùng phía Đông và Đông Bắc tỉnh.

Gồm một phần huyện Hàm Thuận Nam, Hàm Thuận Bắc, thành phố Phan Thiết, huyện Bắc Bình và Tuy Phong (trừ vùng ven biển). Thiên tai chủ yếu là hạn hán; đôi khi cũng xảy ra lũ ngập và lốc xoáy cục bộ.

2.2) Phân loại mức độ ảnh hưởng của các dạng thiên tai.

Dựa trên mức độ thiệt hại của thiên tai, phân vùng phạm vi ảnh hưởng như trên và tần suất xuất hiện của chúng có thể xếp các loại thiên tai ở tỉnh Bình Thuận theo thứ tự như sau:

Bảng phân loại mức độ ảnh hưởng của thiên tai ở Bình Thuận

Tác động mạnh	Tác động vừa	Tác động nhẹ
Lũ lụt	Sạt lở bờ sông	Dông
Hạn hán	Lũ quét	Nước biển dâng
Bão, ATNĐ	Lốc xoáy	Xâm nhập mặn
Sạt lở bờ biển	Sét, gió mạnh trên biển	Mưa đá

3. Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương.

- Xác định ưu tiên các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi thiên tai xảy ra; cụ thể: (*Xem phụ lục 1 kèm theo*).

- + Trẻ em : 227.637 em; + Người cao tuổi : 309.073 người;
- + Phụ nữ : 47.594 người; + Người khuyết tật : 19.062 người;

+ Người nghèo: 16.914 hộ; + Người bị bệnh hiểm nghèo: 12.096 người.

- Ngư dân với khoảng **39.000** lao động tham gia hoạt động đánh bắt hải sản trên biển và **7.260** chiếc tàu thuyền, đây là đối tượng chính và trực tiếp bị thiệt hại khi có bão hoặc ATNĐ xảy ra trên biển.

- Khu vực lồng, bè nuôi trồng thủy sản trên biển với **1.286** lồng/**2.204** lao động cũng bị ảnh hưởng trực tiếp khi bão đổ bộ (*Tuy Phong, Phú Quý, Tp.Phan Thiết*).

- Khi có bão mạnh, siêu bão (hoặc ATNĐ) ảnh hưởng trực tiếp: Sơ tán dân ở những vùng bão đổ bộ trực tiếp, có 07 địa phương, với **35** điểm di dời/**35.209** nhân khẩu.

- Khi có mưa to gây lũ, ngập lụt: Sơ tán dân ở những vùng bị lũ, ngập lụt có 9 địa phương, với **94** điểm di dời, cùng **8.452** hộ/**35.658** nhân khẩu (có tính đến ngập lụt do kết hợp mưa to và xả lũ một số hồ chứa nước). **Xem phụ lục 2 kèm theo.**

- Ngoài ra còn lưu ý lượng khách khu du lịch vùng biển như: Bình Thạnh (Tuy Phong); Hòm Rom, Hàm Tiến, Mũi Né, Đồi Dương, Tiên Thành (Tp.Phan Thiết); Thuận Quý, Tân Thành (Hàm Thuận Nam); Ngánh Tam Tân và Cam Bình (Tx.La Gi) dễ bị ảnh hưởng trực tiếp của bão, sóng thần, nước biển dâng xảy ra (*ngày cao điểm khoảng hơn 150.000 lượt khách nghỉ dưỡng*).

- Động đất xảy ra trên đất liền làm sập đổ nhà dân, các công sở làm việc (trụ sở cơ quan, ngân hàng) hoặc các khách sạn trên địa bàn thành phố Phan Thiết như: Khách sạn 19/4, Khách sạn Đồi Dương, Khách sạn Bình Minh, Khách sạn Novotel, Khách sạn Cà Ty, Khách sạn Park Diamond,...

4. Đánh giá, xác định khả năng, nguồn lực của tỉnh:

Khi thiên tai xảy ra sẽ huy động mọi nguồn lực hiện có của tỉnh và các địa phương, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, của các lực lượng vũ trang, các cơ quan, các tổ chức và quần chúng nhân dân trong và ngoài tỉnh để phòng ngừa, ứng phó, ngăn chặn, hạn chế nhằm giảm tổn thất về người, tài sản của nhân dân và của Nhà nước, bảo đảm an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái.

4.1. Khả năng, nguồn lực của cấp xã.

Hàng năm, cấp xã, phường, thị trấn đều lập phương án, kế hoạch, tổng hợp phương tiện, lực lượng, vật tư, hậu cần chuẩn bị chu đáo cho công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn của địa phương. Cụ thể:

- Về lực lượng: Dân quân tự vệ, Công an xã, đoàn thể: 50 người,

- Về phương tiện: Xe cải tiến, công nông, máy cày, xe bò: 5 - 10 chiếc;

- Xe máy: Mỗi gia đình từ 1 - 2 chiếc,

- Về vật tư: Cuốc 10 cái, xẻng 10 cái, cọc tre 100 cọc, bao cát 20 bao; phao cứu sinh: 10 phao áo và 10 phao tròn; xuồng chèo, thùng chai: 02 chiếc.

4.2. Khả năng, nguồn lực của cấp huyện.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo - *phụ lục 3*)

4.3. Khả năng, nguồn lực của cấp tỉnh.

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo - phụ lục 4).

C. NỘI DUNG VÀ BIỆN PHÁP TRONG CÔNG TÁC PCTT&TKCN.

I. NỘI DUNG:

- Phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ của mọi người và của toàn xã hội, là quá trình mang tính hệ thống; hoạt động có tính tổng hợp, khoa học. Phát huy và kế thừa kinh nghiệm truyền thống, đúc kết các bài học kinh nghiệm, kết hợp với kiến thức, công nghệ hiện đại và các quan hệ hợp tác quốc tế để lập phương án, kế hoạch cụ thể, phù hợp với tình hình thiên tai, cấp độ rủi ro thiên tai xảy ra ở địa phương, nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản, hạn chế sự phá hoại tài nguyên thiên nhiên, môi trường, góp phần quan trọng bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Kết hợp biện pháp phi công trình và công trình trong công tác phòng, chống thiên tai nhằm chủ động ứng phó và phòng tránh hiệu quả. Xây dựng các công trình phục vụ đa mục tiêu khi bình thường thì là trường học, trụ sở, trạm y tế nhưng khi có thiên tai thì làm nơi trú tránh an toàn.

- Hỗ trợ ứng cứu và khắc phục nhanh chóng thiệt hại do thiên tai, sự cố gây ra, sớm ổn định đời sống, sinh hoạt và sản xuất của nhân dân vùng bị nạn.

II. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG VÀ GIẢM NHẸ RỦI RO THIÊN TAI.

1. Biện pháp phi công trình:

a) Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong lĩnh vực phòng tránh, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai. Phát huy tốt phương châm “4 tại chỗ” và “Tổ nhân dân tự quản” ở các địa phương, nâng cao nhận thức, hiểu biết và năng lực tự phòng ngừa của mỗi người dân trong cộng đồng.

- Triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” theo quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ; mở các lớp tập huấn cho người dân trong cộng đồng; thực hiện lồng ghép giới, nhóm đối tượng dễ bị tổn thương; phấn đấu đến năm 2020, có 70% người dân của toàn bộ 127 xã, phường, thị trấn trong tỉnh được tập huấn, tự vẽ được bản đồ thiên tai và chủ động biết cách phòng, tránh, ứng phó thiên tai.

- Hàng năm, các địa phương tổ chức Hội nghị tổng kết công tác PCTT-TKCN và triển khai kế hoạch, nhiệm vụ năm sau; củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các cấp; xây dựng quy chế phối hợp với các ngành, địa phương liên quan; phân công trách nhiệm, địa bàn phụ trách cho các thành viên Ban Chỉ huy. Quán triệt Luật và các văn bản dưới luật về công tác Phòng, chống thiên tai và TKCN đến cấp xã, phường và người dân trong cộng đồng.

- Hàng năm phổ biến kinh nghiệm, bổ túc kiến thức, tập huấn về công tác phòng, tránh thiên tai, biến đổi khí hậu và công tác trực ban cho các cán bộ trực tiếp làm việc hoặc có liên quan tới công tác PCTT, cán bộ mới được bổ nhiệm phụ trách lĩnh vực.

- Tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến kỹ thuật chằng, chống nhà cửa và xây dựng mới ở những nơi thường hay xảy ra thiên tai, lũ, bão, sét, ngập lụt, lốc xoáy,....

- Tổ chức diễn tập vận hành cơ chế 2 cấp (cấp huyện, xã) trên bản đồ và thực hành kỹ năng về Phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm, nhằm giúp nâng cao nhận thức, ý thức chủ động phòng tránh thiên tai của các cấp, các ngành, của cán bộ và nhân dân đối với công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

- Tích cực thu Quỹ Phòng chống thiên tai theo Quyết định số 1065/QĐ-UBND ngày 17/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh để tăng nguồn quỹ dự phòng cho công tác phòng, tránh và khắc phục hậu quả thiên tai ở các cấp, các ngành.

b) Lập kế hoạch, rà soát, điều chỉnh phương án di dời sơ tán dân trước, trong và sau thiên tai:

- Hàng năm, rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch di dời, sơ tán dân khi có bão, ATNĐ đổ bộ; hoặc khi có lũ, ngập lụt và động đất gây sóng thần, xác định các vùng xung yếu, vùng ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai, vùng hạ du ảnh hưởng của xả lũ công trình hồ chứa nước để lập kế hoạch hợp lý (*đối tượng, số lượng, bố trí phương tiện, người chỉ huy và địa điểm di dời cụ thể*); xây dựng lực lượng, chuẩn bị phương tiện, vật tư dự phòng, kinh phí và tuyên truyền đến từng hộ gia đình, người dân về phương án di dời dân cư (tập trung và phân tán) ở các vùng ảnh hưởng của thiên tai.

- UBND các địa phương chủ động rà soát, kiểm tra và chuẩn bị các mặt hàng thiết yếu như: gạo, mỳ tôm, nước uống đóng chai, dầu thắp sáng, bao cát,... khi có thiên tai xảy ra sẽ chủ động để đảm bảo về đời sống, sinh hoạt cho nhân dân, tự chủ động xử lý, ứng phó, cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả nhanh, đạt hiệu quả.

- Các địa phương vùng biển xây dựng kế hoạch bảo đảm an toàn cho ngư dân và bố trí neo đậu tàu thuyền; phương án di dời tàu thuyền và số lượng tàu thuyền công suất nhỏ (<30CV) để lập phương án kéo tàu thuyền lên bờ an toàn. Kiểm tra, quản lý hiệu quả các tàu thuyền hoạt động trên biển, nhất là tàu thuyền đánh bắt xa bờ.

c) Trồng rừng: Trồng rừng và bảo vệ rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng, rừng ven biển chống cát bay; từ năm 2011 đến 2015 toàn tỉnh đã trồng được 16.500 ha rừng, phấn đấu thực hiện từ nay đến 2020 trồng mới đạt 44.000 ha rừng theo kế hoạch (*trong đó có cải tạo rừng nghèo là 24.000 ha*).

2. Biện pháp công trình:

a. Xây dựng và tu sửa đê – kè biển:

- *Hệ thống kè biển:* Tại các khu vực trọng điểm ven biển bị sạt lở đã và đang được triển khai xây dựng kè bảo vệ bờ biển như: Kè bảo vệ bờ biển Hàm Tiến - Mũi Né; kè bảo vệ đường ĐT 706; kè Đồi Dương (Tp.Phan Thiết); kè biển xã Phước Thê, Bình Thạnh, Liên Hương, Phan Rí Cửa, Hoà Phú, Chí Công (Tuy Phong); kè biển xã Ngũ Phụng, Tam Thanh (Phú Quý); Phước Lộc, Tân Phước (thị xã La Gi); khối lượng thực hiện xây dựng kè bảo vệ bờ biển đến hết năm 2015 là: 7,462 km/KH 9,811 km; đạt tỷ lệ: 76,06%.

- *Kè bảo vệ bờ sông:* Đã được xây dựng như sông Dinh, sông Luỹ, Sông Phan, sông Cà Ty, ...

Hệ thống các công trình kè bảo vệ bờ biển và bờ sông hiện nay đã và đang phát huy tác dụng rất tốt, hạn chế sự xâm thực của biển, sạt lở bờ sông; giảm tối đa sự mất đất khu dân cư và đất sản xuất.

b. Xây dựng và tu sửa hồ chứa - công trình thủy lợi:

- Trong những năm qua, các hồ chứa nước (16 hồ lớn) đã và đang từng bước phát huy hiệu quả, tích nước, cắt giảm lũ, điều tiết nước tưới và nước sinh hoạt cho các địa phương như: Hồ Sông Quao, Cà Giây, Lòng Sông, Sông Móng, Sông Khán, Suối Đá, Cẩm Hang, Đu Đủ, Sông Dinh 3, Phan Dũng, ... (toàn tỉnh có 43 hồ chứa nước có dung tích $\geq 200.000 m^3$).

- Giai đoạn 2016 - 2020 tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các hồ chứa nước như: Hồ Kapét, Cà Tót, Tân Lê, Sông Lũy,... để cắt, giảm lũ cho vùng hạ du và xây dựng hoàn thiện hệ thống trạm bơm cấp nước sinh hoạt khu Lê Hồng Phong.

c. Xây dựng cảng cá, khu trú đậu tàu thuyền:

- Những năm qua, tỉnh đã triển khai thi công các khu neo đậu tránh trú bão tại: Phú Hải, Liên Hương và Phan Rí; Bộ Nông nghiệp & PTNT đã phê duyệt dự án đầu tư Khu tránh bão cho tàu cá Phú Quý; hoàn thành thiết kế bản vẽ thi công - dự toán các hạng mục công trình thủy công Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Mũi Né; hoàn thiện nâng cấp Cảng cá Phan Thiết. Tuy nhiên, hiện nay tiến độ xây dựng các khu neo đậu trú tránh bão cho tàu cá rất chậm, không có vốn để xây dựng.

- Các khu tránh trú bão trên địa bàn tỉnh hiện có sức chứa tới gần 7.000 tàu thuyền các loại, được phân bố như sau:

- ✓ Khu neo đậu Cửa Liên Hương - Tuy Phong : 200 chiếc;
- ✓ Khu neo đậu Phan Rí Cửa - Tuy Phong : 1.000 chiếc;
- ✓ Khu neo đậu Phú Hải - Tp.Phan Thiết : 1.500 - 2.000 chiếc;
- ✓ Cảng Phan Thiết - Tp.Phan Thiết : 1.500 - 2.000 chiếc;
- ✓ Khu neo đậu cửa Ba Đăng - thị xã La Gi : 200 chiếc;
- ✓ Cảng La Gi - thị xã La Gi : 1.000 - 1.500 chiếc;
- ✓ Khu neo đậu cửa Hồ Lân - Hàm Tân : 100 chiếc;
- ✓ Khu neo đậu cửa Hà Lãng - Hàm Tân : 100 chiếc.

+ Đối với các tàu thuyền nhỏ có công suất dưới 30 CV ở một số địa phương khi bão đổ bộ sẽ được kéo lên bờ như Phú Quý, Bắc Bình, Hàm Thuận Nam, Hàm Tân và thành phố Phan Thiết. Cụ thể:

- + Bắc Bình : 200 chiếc
- + Thành phố Phan Thiết: 300 chiếc.
- + Hàm Thuận Nam : 100 chiếc
- + Huyện đảo Phú Quý : 600 chiếc.

- Đồng thời, hàng năm triển khai việc nạo vét các luồng lạch, thông thoáng dòng chảy, tuy nhiên do khó khăn về cơ chế và nguồn vốn nên việc nạo vét các cửa sông không thực hiện được, các tàu thuyền ra vào rất khó khăn; tiếp tục triển khai xây dựng thêm các trụ neo đậu tàu thuyền, tuy nhiên so với yêu cầu vẫn chưa đáp ứng được số lượng tàu thuyền hiện có, chỉ mới đầu tư xây dựng được: 320 trụ, mới đáp ứng được 30%, đây là một số lượng rất nhỏ so với nhu cầu neo đậu của tàu thuyền khi tránh bão.

- Kế hoạch những năm tiếp theo sẽ tiếp tục lập dự án triển khai xây dựng khu trú đậu Ba Đăng, Hà Lãng, Mũi Né, Chí Công, Vĩnh Tân và đảo Phú Quý.

d. Xây dựng các khu dân cư di dời tránh lũ, xâm thực biển:

Đã tiến hành rà soát để điều chỉnh, bổ sung kịp thời các dự án và triển khai xây dựng 24 khu dân cư theo quy hoạch chung của tỉnh (QĐ số 2920/QĐ-UBND ngày 13/11/2007 của UBND tỉnh) để sắp xếp ổn định cuộc sống cho các hộ dân vùng bị thiên tai, sạt lở, di dời đến nơi an toàn.

- Năm 2014 đã thực hiện đầu tư hoàn thành và đang bố trí dân cư vào 04 KDC như: Khu dân cư Tum Le, thị trấn Lạc Tánh, huyện Tánh Linh; Khu dân cư A3 Chí Công, huyện Tuy Phong; Khu dân cư Xóm 1, xã Phước Thế, huyện Tuy Phong và Khu dân cư Lò To, xã Hàm Cần, huyện Hàm Thuận Nam.

- Năm 2015: Triển khai xây dựng các KDC theo quy hoạch được duyệt. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tích cực phối hợp với địa phương thực hiện chính sách sắp xếp ổn định dân cư nông thôn, hoàn chỉnh thủ tục, lập hồ sơ đủ điều kiện trợ cấp cho 526 hộ/ KH 719 hộ (đạt 73,2%).

3. Biện pháp ứng phó đối với một số loại hình thiên tai chính: (Điều 26. Luật PCTT)

3.1. Ứng phó với bão, ATNĐ đổ bộ trực tiếp:

a) Đối với chính quyền các cấp:

- Tổ chức trực ban nghiêm túc để theo dõi sát diễn biến của bão; bố trí lãnh đạo trực ban; ban hành công điện chỉ đạo, kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền thoát ra khỏi vùng nguy hiểm hoặc cấm tàu thuyền ra khơi hoạt động.

- Triển khai các phương án đối phó với bão; cử lực lượng hỗ trợ dân chằng chống nhà cửa, kho tàng; tổ chức cứu hộ, cứu nạn. Dừng các cuộc họp không liên quan để tập trung chỉ đạo chống bão. Các thành viên được phân công phụ trách địa bàn xuống phối hợp cùng chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống.

- Tổ chức di dời, sơ tán dân hoặc áp dụng biện pháp cưỡng chế trước khi bão đổ bộ trong vùng nguy hiểm từ 2 - 3 giờ (*ưu tiên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương*); không để người dân ở lại trên các chòi canh, lồng, bè nuôi thủy sản và trên các tàu thuyền tại nơi neo đậu.

- Đảm bảo an ninh trật tự, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men tại các địa điểm sơ tán; đảm bảo thông tin liên lạc; điều tiết hoạt động giao thông trên tuyến quốc lộ IA, các vùng bão đổ bộ, vùng ngập lụt trước, trong và sau bão.

- Chuẩn bị và sẵn sàng triển khai các phương án phòng chống lũ, sạt lở đất do bão gây mưa lớn. Triển khai lực lượng, phương tiện bảo vệ các công trình trọng điểm, xung yếu, kho tàng.

- Chỉ đạo Đài Phát thanh - truyền hình địa phương đưa tin liên tục về bão; các biện pháp ứng phó, công tác chỉ đạo để người dân trong cộng đồng biết chủ động phòng tránh an toàn. Khi bão sắp đổ bộ chủ động cho học sinh vùng trực tiếp bị ảnh hưởng nghỉ học để đảm bảo an toàn.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình theo quy định.

b) Đối với cộng đồng:

- Theo dõi sát diễn biến của bão trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nghiêm túc theo công điện và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương.

- Triển khai chằng chống nhà cửa, kho tàng, trường học, công sở,... chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men. Cắt tỉa cành cây khu dân cư tránh bị đổ ngã.

- Thu hoạch sản phẩm sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vùng nguy cơ bị ảnh hưởng trực tiếp; triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất, lồng bè thủy sản.

- Chuẩn bị sẵn sàng và thực hiện việc sơ tán ra khỏi khu vực nguy hiểm theo lệnh chỉ đạo của chính quyền địa phương trước khi bão đổ bộ. Không đi ra ngoài khi bão đang đổ bộ. Giữ liên lạc giữa cộng đồng và gia đình.

- Kêu gọi tàu thuyền vào bờ, tìm nơi trú ẩn an toàn hoặc thoát ra khỏi vùng nguy hiểm của bão; Bố trí neo đậu tàu thuyền, kéo tàu thuyền lên bờ an toàn không để người ở lại trên thuyền, lồng bè; báo cáo, kiểm đếm theo quy định. Thực hiện nghiêm lệnh cấm ra khơi khi có lệnh.

3.2. Ứng phó với mưa to gây lũ, ngập lụt:

a) Đối với chính quyền các cấp:

- Tổ chức trực ban theo dõi sát diễn biến của mưa, lũ, công trình PCTT (đê, kè, hồ chứa,...); bố trí lãnh đạo trực ban; ban hành công điện chỉ đạo, xử lý tình huống.

- Triển khai các phương án đối phó với lũ, ngập lụt tại vùng trũng, ven sông, vùng hạ du công trình xả lũ. Các biện pháp bảo vệ sản xuất, bơm tiêu thoát lũ, chống úng.

- Dừng các cuộc họp không liên quan để tập trung chỉ đạo chống lũ. Các thành viên được phân công phụ trách địa bàn xuống phối hợp cùng chỉ đạo, điều hành, xử lý tình huống sơ tán dân, hộ đê,....

- Tổ chức di dời, sơ tán dân ra khỏi khu vực ngập lụt nguy hiểm, vùng không bảo đảm an toàn (*ưu tiên nhóm đối tượng dễ bị tổn thương*). Cấm biển báo khu vực ngập lụt; cấm các phà, đò chở người khi có lũ.

- Đảm bảo an ninh trật tự, cung cấp lương thực, thực phẩm, thuốc men tại các địa điểm sơ tán; đảm bảo thông tin liên lạc; hoạt động giao thông, an ninh trật tự trong vùng lũ, ngập lụt.

- Chuẩn bị và sẵn sàng triển khai các phương án phòng chống lũ, sạt lở đất do mưa lớn gây ra. Triển khai lực lượng, phương tiện bảo vệ các công trình trọng điểm, hồ chứa nước, khu vực xung yếu, kho tàng.

- Chỉ đạo Đài Phát thanh - truyền hình địa phương đưa tin, hình ảnh về mưa, lũ, ngập lụt; các biện pháp ứng phó, công tác chỉ đạo để người dân trong cộng đồng biết chủ động phòng tránh an toàn. Cho học sinh vùng trực tiếp bị ảnh hưởng lũ, ngập lụt nghỉ học để đảm bảo an toàn.

- Tổng hợp, báo cáo tình hình theo quy định.

b) Đối với cộng đồng:

- Theo dõi thông tin mưa, lũ, ngập lụt trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện nghiêm túc theo công điện và sự chỉ đạo của chính quyền địa phương.

- Dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men; sẵn sàng đóng góp sức người, sức của để hộ đê, chống lũ. Kê kích tài sản, vật dụng lên cao, kiểm tra hệ thống điện, di dời hóa chất ra khỏi nơi có nguy cơ ngập.

- Thu hoạch sản phẩm sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vùng nguy cơ bị ngập lụt; triển khai các biện pháp bảo vệ sản xuất, nuôi trồng thủy sản.

- Chuẩn bị sẵn sàng và thực hiện việc sơ tán ra khỏi khu vực ngập lụt theo lệnh chỉ đạo của chính quyền địa phương.

- Tham gia công tác cứu hộ, cứu nạn, khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh. Không đi vào khu vực đang có lũ, ngập lụt.

3.3. Ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn:

a) Đối với chính quyền các cấp:

- Điều chỉnh, ban hành và hướng dẫn cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ để phù hợp với dự báo, cảnh báo và tình hình diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn.

- Chỉ đạo, kiến nghị đơn vị quản lý vận hành hợp lý các hồ chứa nước, công trình cấp nước, ưu tiên cấp nước sinh hoạt; sử dụng tiết kiệm, chống thất thoát nước. Hỗ trợ nước sinh hoạt cho người dân ở những vùng bị hạn hán.

- Đầu tư xây dựng công trình hồ chứa cấp nước cho khu vực hạn, nối mạng hệ thống thủy lợi toàn tỉnh, liên tỉnh.

- Chỉ đạo, kiến nghị ưu tiên cung cấp điện và vật tư, nhiên liệu cần thiết cho các trạm bơm chống hạn, cấp nước sinh hoạt.

- Điều hành, phối hợp với các đơn vị hữu quan trong việc quan trắc độ mặn, điều hành đóng mở cống lấy nước và ngăn mặn phù hợp với tình huống, thời điểm cụ thể.

b) Đối với cộng đồng:

- Theo dõi thông tin dự báo, cảnh báo để sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm; không gieo trồng khi thời tiết khô hạn và chưa có sự chỉ đạo của chính quyền địa phương. Chủ động chuyển đổi loại cây trồng chịu hạn trong khu vực canh tác.

- Từng hộ gia đình chủ động đào ao, khoan giếng; xây dựng công trình bê, chum hứng nước mưa, dự trữ nước cho gia đình.

- Chủ động tìm nguồn thức ăn cho gia súc; nâng cao nhận thức hạn hán có thể lặp đi lặp lại để có biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác hại, bảo vệ sức khỏe và vệ sinh;

- Tham gia trồng rừng, bảo vệ rừng, không đốt, chặt phá rừng.

3.4. Ứng phó với lũ quét, sạt lở đất:

a) Đối với chính quyền các cấp:

- Lập Quy hoạch phân vùng nguy cơ lũ quét, sạt lở đất. Kiểm tra, rà soát các vùng dân cư ngăn chặn việc xây mới trong khu vực, từng bước di dân ra khỏi vùng ven sông, suối, sườn đồi, núi, vùng ven taluy đường giao thông có nguy cơ sạt lở.

- Xây dựng hệ thống cảnh báo, biển báo đối với vùng có nguy cơ lũ quét, sạt lở đất; lắp đặt thiết bị quan trắc, báo động để chủ động phòng tránh, sơ tán dân (*đo mưa tự động cảnh báo lũ quét, còi hú, kêng báo động,...*).

- Kiểm tra, rà soát, nạo vét các hệ thống tiêu thoát lũ, cầu, cống, ngầm qua suối. Xây dựng các đường giao thông cứu nạn (xây dựng nông thôn mới) vào các vùng sâu, vùng xa, vùng dễ bị chia cắt khi có lũ. Nghiêm cấm việc lấn chiếm lòng sông, suối, đổ chất thải làm ảnh hưởng đến việc tiêu thoát lũ.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và phổ biến kiến thức cho người dân trong cộng đồng. Chỉ đạo việc dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu, nhất là với những vùng dễ bị cô lập, chia cắt khi có lũ.

- Tổ chức trực ban khi có mưa to, theo dõi sát diễn biến của mưa, lũ để xử lý tình huống. Giữ thông tin liên lạc, báo cáo thông tin kịp thời.

- Chuẩn bị nguồn lực, huy động vật tư, phương tiện, lực lượng, đảm bảo an ninh trật tự và sơ tán dân khỏi vùng nguy hiểm. Tổ chức cứu trợ, đánh giá thiệt hại, tổng hợp báo cáo kết quả.

b) Đối với cộng đồng:

- Theo dõi thông tin mưa, lũ và thực hiện theo sự chỉ đạo của chính quyền địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tham gia công tác tuyên truyền giáo dục cộng đồng về phòng tránh lũ quét, sạt lở đất; tham gia cấm biển báo và đánh dấu các khu vực nguy hiểm.

- Không làm nhà ở những nơi không an toàn thường xảy ra lũ quét, sạt lở đất; tham gia việc trồng và bảo vệ rừng đầu nguồn; khơi thông dòng chảy.

- Chủ động dự trữ lương thực, nhu yếu phẩm, thuốc men; chủ động sơ tán khi có nguy cơ xảy ra lũ quét hoặc có lệnh của chính quyền địa phương; không đi qua sông, suối khi có lũ.

- Báo cáo cho chính quyền địa phương khi xảy ra lũ quét và sạt lở đất; tham gia công tác khắc phục hậu quả, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh, cứu trợ theo truyền thống "lá lành đùm lá rách".

3.5. Ứng phó với động đất, sóng thần:

a) Đối với chính quyền các cấp:

- Chỉ đạo lập, phê duyệt và thực hiện quy hoạch phù hợp với phân vùng động đất, sóng thần; trồng vào bảo vệ rừng phòng hộ, bảo tồn cồn cát ven biển.

- Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến biện pháp phòng tránh động đất, sóng thần;

- Xây dựng, nâng cấp các tuyến đê biển, kè, trạm báo động trực canh cảnh báo, phòng chống động đất, sóng thần.

- Trực ban theo quy định (24/24 giờ cả năm) để tiếp nhận, xử lý thông tin cảnh báo và chỉ đạo ứng phó động đất, sóng thần.

- Lập kế hoạch và thực hiện sơ tán dân; tổ chức tìm kiếm, cứu nạn khi động đất, sóng thần xảy ra; đảm bảo an toàn, lương thực, nhu yếu phẩm, nước uống, vệ sinh nơi sơ tán.

- Đánh giá thiệt hại, khắc phục hậu quả; tổng kết, rút kinh nghiệm sau mỗi đợt động đất, sóng thần xảy ra, báo cáo theo quy định.

b) Đối với cộng đồng:

- Theo dõi thông tin cảnh báo về động đất, sóng thần trên các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống đài trực canh. Nếu đang ở trong nhà thì nhanh chóng tìm nơi trú ẩn khi xảy ra động đất (ngầm bàn, che đầu,...), sau động đất nhanh chóng thoát ra ngoài tới vùng đất trống.

- Nếu đang ở vùng ven biển thấy có sự thay đổi mực nước biển (*nước biển rút ra xa*) khả năng xảy ra sóng thần, thì chủ động và báo cho người thân cùng chạy đến nơi an toàn, vào sâu trong đất liền (*bãi đất cao, xa bờ biển ít nhất khoảng 500m*), chỉ mang theo vật dụng nhẹ, giấy tờ cần thiết.

- Thực hiện ngay những nội dung hướng dẫn, chỉ đạo của chính quyền, cơ quan hữu quan. Giúp đỡ trẻ em, người già, phụ nữ mang thai khi sơ tán. Giữ vệ sinh nơi sơ tán; thông báo cho chính quyền về những cụm dân cư còn sót lại chưa kịp sơ tán.

- Nếu tàu thuyền đang hoạt động ngoài khơi thì nên chạy ra xa bờ tới nơi nước sâu càng nhanh càng tốt, không nên chạy vào bờ.

3.6. Ứng phó với một số loại hình thiên tai khác như: lốc xoáy, sét, mưa đá, nắng nóng cục bộ, nước dâng, triều cường,...: Đối với các loại thiên tai khí tượng thủy văn chưa thể dự báo chi tiết, dự báo sớm mà chỉ có thể cảnh báo như: mưa lớn cục bộ, lũ quét, dông sét, sạt lở đất, nắng nóng,... thì Đài Khí tượng thủy văn tỉnh cần nâng cao chất lượng bản tin cảnh báo, cảnh báo sớm song song với nâng cao nhận thức của cộng đồng nhằm chủ động tự phòng tránh khi có dấu hiệu xuất hiện của loại hình thiên tai đó.

4. Công tác tổ chức khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố:

4.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nhu yếu phẩm thiết yếu khác và hỗ trợ tâm lý để ổn định đời sống của người dân:

a) Cấp cứu kịp thời người gặp nạn nguy hiểm tới tính mạng; tổ chức tìm kiếm người, phương tiện bị mất tích. Huy động người, vật tư, trang thiết bị, thuốc chữa bệnh để tham gia cứu chữa người bị nạn;

b) Tiếp tục sơ tán người dân ra khỏi nơi nguy hiểm, ưu tiên các đối tượng dễ bị tổn thương (*người già, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật,...*);

c) Thành lập thêm các trạm cấp cứu tạm thời hoặc tổ y tế lưu động; trưng dụng ngay các trụ sở cơ quan, trường học, cơ sở y tế tại khu vực xảy ra thiên tai để tiếp nhận cấp cứu, xử lý ban đầu người bị nạn, sau đó chuyển tuyến trên điều trị;

d) Ưu tiên đối tượng cần được cứu trợ bao gồm cá nhân bị thương, hộ gia đình có người bị chết; hộ gia đình, cá nhân bị mất nhà ở, không có lương thực, nước uống và nhu yếu phẩm khác có nguy cơ ảnh hưởng tới tính mạng và sức khỏe, đặc biệt quan tâm đến đối tượng dễ bị tổn thương;

đ) Dựng các lều, lán trại tạm thời cho người dân bị mất nhà ở tạm trú. Cấp phát, hỗ trợ lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu cho nhân dân nơi sơ tán.

4.2. Tiến hành kiểm tra, thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cứu trợ:

a) Sau thiên tai UBND các cấp, thủ trưởng các đơn vị tổ chức kiểm tra, thống kê, đánh giá, xác định mức độ thiệt hại do thiên tai gây ra, nhu cầu cứu trợ, hỗ trợ và đề xuất phương án khắc phục hậu quả;

b) Trước mắt phải hỗ trợ lương thực, thực phẩm cứu đói, thuốc chữa bệnh và nhu yếu phẩm thiết yếu khác để ổn định đời sống của người dân vùng bị thiên tai; chủ động huy động lực lượng tại địa phương dọn dẹp, tổng vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh ở khu vực bị tác động của thiên tai;

c) Đề xuất, kiến nghị hỗ trợ về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản; vật tư, trang thiết bị, nhiên liệu thiết yếu khác để khôi phục sản xuất;

d) Lập kế hoạch và đề xuất phương án sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng, chống thiên tai và công trình hạ tầng công cộng (*giao thông, thông tin, năng lượng, thủy lợi, trường học, cơ sở y tế,...*)

III. LỒNG GHÉP NỘI DUNG VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch đã được phê duyệt của các ngành, địa phương trong tỉnh và lồng ghép với nhiệm vụ phòng chống thiên tai như kế

hoạch thực hiện Chiến lược đã xây dựng, ban hành nhằm bổ sung và từng bước hoàn thiện quy hoạch chung của tỉnh (quy hoạch sử dụng đất, lưu vực sông, kinh tế-xã hội,...).

- Lập bản đồ phân vùng nguy cơ bão đổ bộ, xảy ra lũ quét, lũ, ngập lụt kết hợp xả lũ các hồ chứa nước lớn trong tỉnh (từ >5 triệu m³) nhằm giúp các địa phương xác định nhanh, chính xác vùng xảy ra lũ, ngập lụt để chủ động chỉ đạo phòng tránh, di dời sơ tán, bảo đảm an toàn cho nhân dân.

- Lập bản đồ phân vùng, đánh giá rủi ro hạn hán, giúp các địa phương chủ động trong điều hành sản xuất, bố trí cây trồng, thời vụ hợp lý, chủ động trong công tác điều hành, chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh thiên tai. Thực hiện tốt công tác bảo hiểm cây lúa.

- Rà soát, bổ sung quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển, lập phương án phát triển lâu dài, kế hoạch trồng mới các khu vực phòng hộ ven biển, bảo vệ khu dân cư, làng nghề truyền thống ven biển an toàn trước thiên tai.

- Tiến hành rà soát, bổ sung quy hoạch hệ thống đê sông, đê biển (*Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 08/4/2011 về việc phê duyệt Quy hoạch công trình chống xói lở bờ biển tỉnh Bình Thuận, giai đoạn 2011 – 2020*) và rà soát, bổ sung quy hoạch và tổ chức thực hiện di dân, tái định cư tại những vùng nguy cơ cao bị sạt lở đất, vùng thường xuyên bị thiên tai.

- Đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến từng lĩnh vực, ảnh hưởng từng vùng; giải pháp giảm phát thải khí nhà kính, các yếu tố gây biến đổi khí hậu. Ổn định, an toàn dân cư; sản xuất nông, lâm, thủy sản; bảo đảm an ninh lương thực; an toàn hệ thống đê điều, các công trình dân sinh, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai.

D. BỐ TRÍ LỰC LƯỢNG.

Lực lượng, vật tư và phương tiện tham gia công tác PCTT&TKCN, ứng cứu được bố trí tại công sở hay vị trí đóng quân của từng cơ quan, đơn vị; khi có tình huống thiên tai, sự cố xảy ra Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh sẽ căn cứ vào tình hình thực tế để tham mưu UBND tỉnh điều động lực lượng ứng phó, hỗ trợ xử lý phù hợp.

1. Lực lượng tham gia: Tổng quân số: **4.640** người. Cụ thể:

a. Lực lượng trong tỉnh: 3.510 đ/c (các đơn vị chuẩn bị).

- Bộ CHQS tỉnh (lực lượng vũ trang) : 3.190 đ/c; trong đó:
 - + Lực lượng thường trực : 523 đ/c,
 - + Dân quân tự vệ (DQTV) : 2.667 đ/c.
- Công an tỉnh : 150 đ/c.
- Biên phòng tỉnh : 50 đ/c.
- Hội chữ thập đỏ : 20 đ/c (TNXK).
- Tỉnh Đoàn thanh niên CS.HCM : 200 đ/c.

b. Lực lượng hiệp đồng: 1.030 đ/c (cơ động đến các địa bàn xảy ra thiên tai, sự cố theo yêu cầu của tỉnh).

- *Lực lượng hiệp đồng của Quân khu 7* : **950 đ/c**, gồm:
 - + Sư đoàn bộ binh 302 : 400 đ/c.
 - + Lữ Công binh 25 (CB25) : 300 đ/c.

- + Lữ Pháo binh 75 (PB75) : 100 đ/c.
- + Lữ Tăng thiết giáp 26 (TTg26) : 100 đ/c.
- + Công ty Đông Hải : 50 đ/c.
- *Lực lượng hiệp đồng của Bộ* : **80 đ/c**, gồm:
- + Vùng 4 Hải quân : 40 đ/c.
- + Lữ Đoàn Hải quân 681/QCHQ : 40 đ/c.

2. Phương tiện ứng cứu: (có bảng phân công cụ thể kèm theo-Phụ lục 4)

Các đơn vị và địa phương được giao nhiệm vụ phải chuẩn bị tốt các trang thiết bị, phương tiện, vật tư ứng cứu của mình, sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi có lệnh điều động của Chủ tịch UBND tỉnh hoặc của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh.

E. QUY TRÌNH VÀ PHÂN CẤP THỰC HIỆN.

I. QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ THÔNG TIN:

1. Chỉ đạo chung toàn tỉnh: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh - Trưởng Ban.

2. Tiếp nhận và tổng hợp thông tin: Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh là trung tâm tiếp nhận, thu thập, truyền đạt và tổng hợp thông tin về thiên tai, sự cố, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi toàn tỉnh.

a) Báo cáo ngay cho Chủ tịch UBND-Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh để chỉ đạo kịp thời.

b) Thông báo, truyền đạt tới các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan về vị trí, địa điểm, thời gian, tình trạng thiên tai, sự cố hay thảm họa xảy ra, mức độ nguy hiểm của thiên tai, sự cố (*theo quy chế trực ban*). Cụ thể:

- + Thường trực Tỉnh uỷ; + Công an tỉnh;
- + Ủy ban nhân dân tỉnh; + Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- + Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; + Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- + Ủy ban nhân dân các địa phương bị ảnh hưởng;
- + Một số đơn vị liên quan khác (*khi cần thiết*).

c) Các thông tin xảy ra thiên tai, sự cố, thảm họa phải được thông báo liên tục, kịp thời và chính xác cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân trong vùng bị ảnh hưởng để chủ động ứng phó, phòng tránh và cùng tham gia khắc phục hậu quả.

3. Phân cấp thực hiện:

a) Đối với các huyện, thị xã, thành phố:

- Căn cứ vào thông tin dự báo, cảnh báo, khu vực ảnh hưởng và cấp độ rủi ro thiên tai đối với từng loại hình thiên tai xảy ra trên địa bàn mình quản lý thì Trưởng Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai &TKCN các cấp chủ động tham mưu UBND cấp trên trực tiếp thực hiện các biện pháp ứng phó, phòng tránh thiên tai hiệu quả, bảo đảm an toàn về tính mạng và tài sản cho nhân dân. Cụ thể: Đối với các tình huống mưa to gây lũ, ngập lụt, lũ quét cục bộ quy mô nhỏ hoặc lốc xoáy, sét đánh, sự cố, thảm họa,

... ảnh hưởng nhẹ (*cấp độ rủi ro thiên tai: Cấp 2 trở xuống*), thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trực tiếp giải quyết, huy động lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn, thực hiện tốt phương châm “**4 tại chỗ**” theo kế hoạch của từng địa phương (từ cấp xã – cấp huyện);

- Nguồn kinh phí thực hiện công tác PCTT&TKCN và giải quyết hậu quả, khắc phục thiệt hại thiên tai được sử dụng từ nguồn ngân sách dự phòng, nguồn thu Quỹ Phòng chống thiên tai hàng năm của địa phương và nguồn tài trợ khác. Trường hợp vượt quá khả năng tài chính của địa phương thì đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hỗ trợ kịp thời.

b) Đối với cấp tỉnh:

- Khi các tình huống thiên tai: Bão, ATNĐ, siêu bão đổ bộ trực tiếp; lũ ngập, lũ quét quy mô lớn (*gây ảnh hưởng nặng trong 01 huyện hoặc xảy ra liên huyện*), gây tổn thất nặng về người và tài sản của các địa phương; động đất gây sóng thần hoặc sập đổ nhà cao tầng, khách sạn trên địa bàn thành phố Phan Thiết; tai nạn tàu thuyền trên biển, ... (*cấp độ rủi ro thiên tai: Cấp 3 trở lên*) thì Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ chỉ đạo trực tiếp thông qua Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh làm tham mưu. Huy động toàn bộ hoặc từng phần các lực lượng và phương tiện ứng cứu, của tỉnh để giúp địa phương trong công tác phòng tránh, khắc phục hậu quả thiên tai;

- Trường hợp vượt quá khả năng của tỉnh thì Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh sẽ tham mưu UBND tỉnh xin hỗ trợ lực lượng và phương tiện của Trung ương, Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và TKCN, Quân khu 7, Trung tâm Phối hợp TKCN hàng hải khu vực III,... cùng phối hợp hỗ trợ (*đã ký kết hiệp đồng hàng năm*);

- Nguồn lực tài chính để thực hiện công tác PCTT&TKCN và giải quyết hậu quả, khắc phục thiệt hại do thiên tai gây ra được sử dụng từ nguồn ngân sách dự phòng của các địa phương, của tỉnh và nguồn thu Quỹ phòng chống thiên tai hàng năm. Trường hợp nguồn kinh phí vượt quá khả năng ngân sách của tỉnh thì Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh sẽ tham mưu UBND tỉnh xin hỗ trợ từ Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, đồng thời huy động nhân dân trong và ngoài tỉnh đóng góp (*UBMT tổ quốc tỉnh tham mưu*).

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- UBND các cấp địa phương, các Sở, ngành, đơn vị căn cứ nội dung kế hoạch PCTT&TKCN nói trên; những loại hình thiên tai đã xảy ra, mức độ rủi ro; phân vùng ảnh hưởng, cùng yêu cầu và nhiệm vụ cụ thể của công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng năm tại địa phương và Sở, ngành, đơn vị; rà soát những nội dung thuộc phạm vi quản lý, được phân cấp của mình để xây dựng kế hoạch, phương án ứng phó, phòng tránh thiên tai ứng với cấp độ rủi ro thiên tai cụ thể cho Sở, ngành, đơn vị và địa phương mình. **Chú trọng việc phòng ngừa là chính** nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản cho nhân dân.

- Các thành viên trong Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai &TKCN tỉnh được phân công khu vực, địa bàn phụ trách phải phối hợp tốt với các địa phương để điều

phối, chỉ đạo điều hành hoạt động hiệu quả, tham gia thực hiện PCTT&TKCN theo phân công nhiệm vụ của Trưởng Ban Chỉ huy (*Quyết định số 60/QĐ-PCTT ngày 26/3/2016 của Trưởng Ban*), theo quy định của pháp luật và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ huy (*Quyết định số 59/QĐ-PCTT ngày 13/4/2015 của Trưởng Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh Bình Thuận*).

- Thường trực Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh là đầu mối kiểm tra, đôn đốc các ngành, các địa phương trong việc triển khai nhiệm vụ PCTT và TKCN; cùng xử lý những vướng mắc chung trong quá trình thực hiện; tổng hợp tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết kịp thời các đề xuất, kiến nghị của địa phương, đơn vị. Quá trình triển khai thực hiện, điều hành sẽ rà soát, bổ sung điều chỉnh cho phù hợp với thực tế chung.

- Thời gian thực hiện: Từ ngày **01/10/2016**.

Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Bình Thuận yêu cầu các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị trong tỉnh triển khai thực hiện./.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Nơi nhận:

- BCĐ.TU' về PCTT;
- UBQG.TKCN;
- UBND tỉnh;
- Chi cục PCTTKVMN;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Thành viên BCH.PCTT&TKCN tỉnh;
- Ban Chỉ huy PCTT&TKCN các huyện, Tx, Tp;
- Các Sở, ngành, đơn vị liên quan;
- Lưu: VP.BCH. Tân (45b).

(đề b/c);

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP&PTNT
Mai Kiều**